

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2019
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Tâm.

2/. Ông Nguyễn Thanh Tiền

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/2018/TLST-HN ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: bà Châu Hồng M, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã LĐ Đ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Luật sư Nguyễn Thị H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn (có mặt)

2/. Bị đơn: ông Võ Văn K, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MĐ, xã LĐ Đ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Thanh V, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TTA, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Châu Hồng M và bị đơn ông Võ Văn K trình bày:

Vợ chồng ông cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng đến ngày ngày 24/02/2004 mới đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo bà M xác định: thời gian đầu sống chung với nhau thì cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau cuộc sống của vợ chồng ngày càng căng thẳng, chồng bà không chăm lo cho gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt đập phá tài sản và hành hung bà. Bà đã nhiều lần tha thứ cho chồng bà nhưng ông K không sửa đổi được. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu xin được ly hôn.

Nguyên nhân ly hôn: ông K xác định thời gian đầu sống chung với nhau thì cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau cuộc sống của vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay bà M có yêu cầu xin được ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì còn thương vợ, ông mong muốn được đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: bà M và ông K thống nhất xác định thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Võ Tuyết Kha, sinh năm 1997 và Võ Hoàng Khả, sinh năm 2005. Khi ly hôn ông bà thống nhất thỏa thuận giao người con tên Võ Hoàng Khả, sinh năm 2005 cho ông K được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông bà thống nhất không yêu cầu. Đối với người con tên Võ Tuyết Kha đã trưởng thành, không bị khuyết tật không bị hạn chế năng lực nên ông bà không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà M và ông Khánh xác định vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, khi ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải xem xét quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Dương Thanh V trình bày: giữa anh và vợ chồng ông Võ Văn K và bà Châu Hồng M có giao dịch mua bán thức ăn tôm. Đến thời điểm hiện tại vợ chồng ông K và bà M còn nợ anh số tiền 446.640.500 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng). Nay bà M yêu cầu giải quyết ly hôn với K thì anh yêu cầu vợ chồng ông bà phải có trách nhiệm cùng trả cho anh số tiền nợ nêu trên. Ngoài ra anh V không còn yêu cầu nào khác.

Ông K và bà M thống nhất có nợ anh Dương Thanh V số tiền 446.640.500đ và đồng ý trả nợ như anh Dương Thanh V đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn là chấp hành chưa nghiêm việc tham dự phiên tòa theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa bà M và ông K kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp,

được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại ông bà mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa bà M và ông K nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà M được ly hôn với ông K là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng sự thỏa thuận của bà M và ông K, giao người con tên Võ Hoàng Khả, sinh năm 2005 cho ông K được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông bà thống nhất không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Đối với người con tên Võ Tuyết Kha đã trưởng thành, không bị khuyết tật không bị hạn chế năng lực, bà M và ông K không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Khi ly hôn bà M và ông K không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà M và ông K phải có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền còn thiếu là 446.640.500 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng).

Về án phí thì bà M và ông K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích pháp cho bà M: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, xử cho bà M được ly hôn với ông K. Về con thì đề nghị tôn trọng sự thỏa thuận giữa bà M và ông K, giao người con là Võ Hoàng Khả cho ông K được tiếp tục nuôi. Về tài sản thì đề nghị không đặt ra xem xét. Về nợ thì đề nghị chia đôi số nợ, bà M và ông K mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho anh V $\frac{1}{2}$ số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông K. Ông K có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Bà M và anh V có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M và anh V.

Ông K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông K vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K.

[2] Về nội dung vụ án: giữa bà M và ông K kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2004 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông K thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống bà M và ông K lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Ông bà cũng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Trong thời gian qua cả hai ông bà đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện ông bà muốn hàn gắn lại với nhau, ông bà không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của bà M và ông K là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông K là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: bà M và ông K đã thống nhất thỏa thuận giao người con tên Võ Hoàng Khả, sinh năm 2005 cho ông K được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông bà thống nhất không yêu cầu xem xét. Xét thấy việc thỏa thuận giữa bà M và ông K không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Đối với người con tên Võ Tuyết Kha, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không bị khuyết tật không bị hạn chế năng lực, bà M và ông K không yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tòa án đã ấn định thời gian cho bà M và ông K có quyền yêu cầu chia tài sản theo quy định của pháp luật, nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc yêu cầu chia tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Ông bà có quyền khởi kiện chia tài sản chung ở một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ: bà M và ông K cùng thống nhất thừa nhận có nợ anh Dương Thanh V số tiền 446.640.500đ như anh Dương Thanh V và đồng ý trả theo yêu cầu

của anh V. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để buộc bà M và ông K mỗi người phải có trách nhiệm trả cho V số tiền 223.320.250đ.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, cũng như quan điểm của Vị luật sư là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Hồng M; Xử cho bà Châu Hồng M được ly hôn với ông Võ Văn K.

2/. Về nuôi con chung: giao người con chung tên Võ Hoàng Khả, sinh năm 2005 cho ông Võ Văn K được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Châu Hồng M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về nợ: Buộc ông Võ Văn K có nghĩa vụ trả cho anh Dương Thanh V số tiền 223.320.250đ (hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm hai chục ngàn, hai trăm năm mươi đồng)

Buộc bà Châu Hồng M có nghĩa vụ trả cho anh Dương Thanh V số tiền 223.320.250đ (hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm hai chục ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

5/. Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Châu Hồng M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011418 ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải;

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Châu Hồng M phải chịu là 11.166.000đ (mười một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng); Buộc ông Võ Văn K phải chịu là 11.166.000đ (mười một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)

Hoàn lại cho anh Dương Thanh V số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 10.932.000đ (mười triệu chín trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011819 ngày 16/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

6/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ Luật dân sự.

7/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Châu Hồng M và ông Võ Văn K, anh Dương Thanh V biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã Long Điền Đông
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng